TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Trương Xuân Vũ;
2- Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Nh** 24 tuổi
Địa chỉ: Thôn Y T- xã MX- huyện L- tỉnh Y.
Bị đơn: Anh **Lộc Văn M** 33 tuổi
Địa chỉ: Thôn Y T- xã MX- huyện L- tỉnh Y.
Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26-11-2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Nh trình bày: Chị và anh Lộc Văn M kết hôn tháng 5 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã MX- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã; hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Xác định tình cảm không còn, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có một cháu là Lộc Hoàng T sinh ngày 11-11-2017. Khi ly hôn chị sẽ nuôi cháu T và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định không có.

Trong bản tự khai và tại các phiên hoà giải bị đơn là anh Lộc Văn M cơ bản nhất trí với lời khai của chị Nh. Nay cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn. Về con chung, khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu T, không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh cũng xác định không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nh được ly hôn với anh M; giao cháu T cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Tố đủ 18 tuổi; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Hoàng Thị Nh và anh Lộc Văn M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã MX- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Nh và anh Lộc Văn M kết hôn năm 2017, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Theo lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng chị Nh- anh M không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau; hai người hiện cũng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết cả chị Nh và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nh- anh M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nh có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Nh và anh M có một cháu là Lộc Hoàng T sinh ngày 11-11-2017. Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được, cả chị Nh và anh M đều đề nghị được nuôi cháu T; chị Nh yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh M không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…*". Phải khẳng định nguyện vọng nuôi con của các đương sự hoàn toàn chính đáng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh tại địa phương thì cả chị Nh và anh M hiện đều có công việc và thu nhập ổn định, đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên xét hoàn cảnh thực tế cháu T còn nhỏ rất cần đến sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác gia đình bố mẹ đẻ chị Nh ở cạnh trường học, kinh tế tương đối ổn định; bố chị Nh hiện làm bảo vệ tại trường nên việc học hành của cháu rất thuận lợi. Do đó, cần giao cháu Lộc Hoàng T cho chị Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", như vậy yêu cầu của chị Nh về vấn đề này là chính đáng. Căn cứ tài liệu do bị đơn cung cấp thì hiện tại anh M đang làm việc cho Công ty TNHH Công nghệ và TM DOLPHIN tại xã Yên Thắng- huyện L có mức thu nhập hàng tháng trên 9.000.000 đồng. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị Nh là phù hợp với khả năng kinh tế hiện tại của anh M nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn; anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hoàng Thị Nh được ly hôn với anh Lộc Văn M.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cháu Lộc Hoàng T sinh ngày 11-11-2017 cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lộc Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Hoàng Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Nh đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002132 ngày 24-12-2021.

- Anh Lộc Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã MX;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô